



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA VÀ
NƯỚC
GIẢI KHÁT
HẠ LONG**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI
KHÁT HẠ LONG
DN: C=VN, S=QUẢNG NINH, L=
Hà Long, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI
KHÁT HẠ LONG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:5700433939
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.03.31
17:05:23
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.3.0

**Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát
Hạ Long**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025**



Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đầu tư số 8746167331 ngày 8 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Đầu tư số 8746167331 ngày 2 tháng 10 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 8746167331 của Công ty đã được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 8746167331 ngày 2 tháng 10 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 8746167331 ngày 29 tháng 1 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đầu tư và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp (nay đã được sáp nhập vào Sở Tài chính Tỉnh Quảng Ninh). Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư có giá trị trong vòng 27 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 5700433939 ngày 12 tháng 2 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5700433939 ngày 1 tháng 10 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp (nay đã được sáp nhập vào Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh).

Hội đồng Quản trị

Ông Shunjiro Suga	Chủ tịch
Ông Daisuke Komoto	Thành viên
Ông Doãn Trường Giang	Thành viên
Ông Vũ Tế Vĩ	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên

Người đại diện
theo pháp luật Ông Doãn Trường Giang Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trục	Thành viên

Trụ sở đăng ký Số 130 Đường Lê Lợi
Phường Hồng Gai
Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Báo cáo của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban lãnh đạo Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban lãnh đạo Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm



Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00290-26-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		735.182.350.327	565.860.060.214
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	239.521.071.578	300.766.837.887
Tiền	111		45.521.071.578	8.405.822.309
Các khoản tương đương tiền	112		194.000.000.000	292.361.015.578
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		430.000.000.000	205.787.671.233
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	430.000.000.000	205.787.671.233
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.056.388.011	54.743.668.144
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		42.163.252	72.716.076
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.714.682.170	5.325.660.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	52.490.149.854	49.540.375.239
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(236.140.322)	(236.140.322)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		45.533.057	41.056.651
Hàng tồn kho	140		9.460.883.816	4.069.008.217
Hàng tồn kho	141	8	9.460.883.816	4.069.008.217
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.144.006.922	492.874.733
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		772.014.145	464.742.805
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(a)	371.992.777	28.131.928

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		146.037.301.205	153.892.502.431
Các khoản phải thu dài hạn	210		75.755.907.840	105.029.447.288
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	75.600.000.000	75.600.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	155.907.840	29.429.447.288
Tài sản cố định	220		11.717.664.708	15.330.056.304
Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.461.905.815	12.402.839.024
Nguyên giá	222		63.039.572.038	59.537.818.704
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.577.666.223)	(47.134.979.680)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.255.758.893	2.927.217.280
Nguyên giá	228		5.791.480.000	5.791.480.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.535.721.107)	(2.864.262.720)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.800.000.000	19.800.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	19.800.000.000	19.800.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		38.763.728.657	13.732.998.839
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	38.763.728.657	13.732.998.839
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		881.219.651.532	719.752.562.645

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		274.368.599.075	212.325.288.552
Nợ ngắn hạn	310		253.504.459.075	197.939.161.146
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	59.749.257.907	44.295.423.503
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	100.094.612.044	70.280.984.956
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	15(b)	36.964.119.485	33.975.728.722
Phải trả người lao động	314		26.628.701.951	21.544.782.720
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	9.754.972.936	9.558.077.575
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	20.230.866.592	18.202.235.510
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		81.928.160	81.928.160
Nợ dài hạn	330		20.864.140.000	14.386.127.406
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	20.864.140.000	14.386.127.406
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		606.851.052.457	507.427.274.093
Vốn chủ sở hữu	410	18	606.851.052.457	507.427.274.093
Vốn cổ phần	411	19	30.900.000.000	30.900.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.900.000.000	30.900.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		19.537.064.160	19.537.064.160
Quỹ đầu tư phát triển	418		141.478.070.782	141.478.070.782
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		414.935.917.515	315.512.139.151
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		281.522.139.151	190.550.879.625
- LNST năm nay	421b		133.413.778.364	124.961.259.526
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		881.219.651.532	719.752.562.645

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Ngọc Hoa
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Doãn Trường Giang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bìa và Nước giải khát Hạ Long

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.829.544.661.758	1.567.100.288.943
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	538.941.538	12.235.728
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	1.829.005.720.220	1.567.088.053.215
Giá vốn hàng bán	11	23	1.493.742.609.283	1.282.073.993.973
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		335.263.110.937	285.014.059.242
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	23.275.864.586	13.664.477.599
Chi phí tài chính	22		47.327.263	31.198.376
Chi phí bán hàng	25	25	150.861.672.035	113.257.178.402
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	42.984.356.830	30.301.880.172
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		164.645.619.395	155.088.279.891
Thu nhập khác	31	27	1.749.778.914	3.502.571.563
Chi phí khác	32	28	589.791.348	2.940.227.686
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.159.987.566	562.343.877
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		165.805.606.961	155.650.623.768
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	32.391.828.597	30.689.364.242
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		133.413.778.364	124.961.259.526

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Ngọc Hoa
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Trường Giang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	165.805.606.961	155.650.623.768
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	7.114.144.930	7.702.735.002
Các khoản dự phòng	03	-	236.140.322
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.275.864.586)	(13.862.976.924)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	149.643.887.305	149.726.522.168
Biến động các khoản phải thu	09	29.935.553.639	(4.855.031.197)
Biến động hàng tồn kho	10	(5.391.875.599)	(348.394.129)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	60.212.272.635	97.963.058.485
Biến động chi phí trả trước	12	(25.338.001.158)	(3.621.298.660)
		209.061.836.822	238.864.856.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(30.686.740.759)	(27.056.771.446)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(102.094.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	178.375.096.063	211.705.990.821
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.501.753.334)	(2.040.569.455)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	198.499.325
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(540.463.780.822)	(155.787.671.233)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	316.251.452.055	42.200.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và cổ tức	27	21.957.269.679	11.550.519.116
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(205.756.812.422)	(103.879.222.247)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả cổ tức	36	(33.864.049.950)	(27.810.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(33.864.049.950)	(27.810.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(61.245.766.309)	80.016.768.574
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	300.766.837.887	220.750.069.313
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	239.521.071.578	300.766.837.887

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Ngọc Hoa
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Trường Giang
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Quảng cáo;
- Tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất rượu vang;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty con (1/1/2025: 1 công ty con), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 548 nhân viên (1/1/2025: 511 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chỉ tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban lãnh đạo của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 35 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 – 7 năm
▪ phương tiện vận tải	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa trả trước, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1,5 đến 4 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(o) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	52.218.579	311.735.611
Tiền gửi ngân hàng	45.468.852.999	8.094.086.698
Các khoản tương đương tiền	194.000.000.000	292.361.015.578
	<hr/>	<hr/>
	239.521.071.578	300.766.837.887

Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,40% đến 4,75%/năm (1/1/2025: từ 4,40% đến 4,70%/năm).

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	430.000.000.000	430.000.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	430.000.000.000	205.787.671.233
		205.787.671.233

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,00% đến 7,80%/năm (1/1/2025: từ 4,00% đến 4,95%/năm). Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ của chúng do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.

(b) Đầu tư vào công ty con

	Địa chỉ	31/12/2025 và 1/1/2025	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết
		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:			Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	Quảng Ninh, Việt Nam	99,00%	99,00%
		19.800.000.000	- (*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Biển Xanh	904.932.300	731.291.800
Công ty TNHH Môi trường Xây dựng ACE	626.547.206	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Kỹ thuật Huy Hiệu	384.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu PCCC Quảng Ninh	-	2.359.956.816
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ và Môi trường	-	626.520.000
Trả trước cho người bán khác	799.202.664	1.607.891.884
	2.714.682.170	5.325.660.500

7. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ký cược, ký quỹ	46.913.674.279	44.739.747.744
Phải thu lãi tiền gửi	4.822.297.262	3.503.702.355
Tạm ứng	465.494.861	369.648.190
Phải thu ngắn hạn khác	288.683.452	927.276.950
	52.490.149.854	49.540.375.239

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ký cược, ký quỹ	155.907.840	125.907.840
Phải thu Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	-	29.303.539.448
	155.907.840	29.429.447.288

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Hàng tồn kho

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	666.985.500	-
Nguyên vật liệu	1.723.971.078	2.002.823.668
Công cụ và dụng cụ	7.047.298.672	2.033.691.678
Hàng hóa	22.628.566	32.492.871
	9.460.883.816	4.069.008.217

9. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai – công ty con (*)	75.600.000.000	75.600.000.000
	75.600.000.000	75.600.000.000

(*) Các khoản phải thu về cho vay công ty con có thời hạn 10 năm kể từ ngày giải ngân, không có lãi và không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.428.783.748	2.233.760.713	51.531.017.795	344.256.448	59.537.818.704
Tăng trong năm	-	-	3.501.753.334	-	3.501.753.334
Phân loại lại	157.800.000	(33.072.727)	-	(124.727.273)	-
Số dư cuối năm	5.586.583.748	2.200.687.986	55.032.771.129	219.529.175	63.039.572.038
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.703.620.599	1.498.251.424	41.593.712.327	339.395.330	47.134.979.680
Khấu hao trong năm	851.409.172	195.988.680	4.395.288.691	-	5.442.686.543
Phân loại lại	150.397.281	22.286.754	(52.817.880)	(119.866.155)	-
Số dư cuối năm	4.705.427.052	1.716.526.858	45.936.183.138	219.529.175	52.577.666.223
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.725.163.149	735.509.289	9.937.305.468	4.861.118	12.402.839.024
Số dư cuối năm	881.156.696	484.161.128	9.096.587.991	-	10.461.905.815

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 31.579 triệu VND (1/1/2025: 24.484 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	5.791.480.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.864.262.720
Khấu hao trong năm	1.671.458.387
Số dư cuối năm	4.535.721.107
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.927.217.280
Số dư cuối năm	1.255.758.893

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có tài sản với nguyên giá 1.308 triệu VND (1/1/2025: 1.308 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	12.905.353.785	827.645.054	13.732.998.839
Tăng trong năm	38.288.469.650	2.608.138.980	40.896.608.630
Phân bổ trong năm	(14.961.041.573)	(904.837.239)	(15.865.878.812)
Số dư cuối năm	36.232.781.862	2.530.946.795	38.763.728.657

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	51.850.809.395	39.778.604.737
<i>Các bên khác</i>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo Thành An	1.518.548.718	540.310.442
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya – Việt Nam	1.141.888.750	-
Công ty TNHH Thương mại – Quảng cáo và In Phú Sỹ	706.066.038	802.333.188
Công ty TNHH Quảng cáo Thiên Phú	677.134.433	-
Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo Gia Phát	428.519.295	260.845.716
Các nhà cung cấp khác	3.426.291.278	2.913.329.420
	59.749.257.907	44.295.423.503

Khoản phải trả công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoàn Phát MC	23.023.775.224	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thanh Dung	13.694.699.762	-
Công ty TNHH TYTB	9.212.650.616	5.187.000.858
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Dương Ngọc	8.001.674.934	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Đức Huy 68	4.932.149.950	-
Công ty TNHH Trường Giang TV	3.953.789.551	-
Phạm Thị Nhung	-	9.917.375.000
Ngô Thị Hường	-	8.874.850.001
Vũ Ngọc Thắng	-	7.149.624.167
Các khách hàng khác	37.275.872.007	39.152.134.930
	<hr/>	<hr/>
	100.094.612.044	70.280.984.956

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập cá nhân	28.131.928	-	-	287.170.527	315.302.455
Các loại thuế khác	-	-	-	56.690.322	56.690.322
	28.131.928	-	-	343.860.849	371.992.777

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.119.273.340	182.729.180.021	(152.497.560.988)	(28.800.136.705)	4.550.755.668
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.686.740.759	32.391.828.597	-	(30.686.740.759)	32.391.828.597
Thuế thu nhập cá nhân	163.006.927	6.422.683.520	(669.687.304)	(5.894.467.923)	21.535.220
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.777.721.067	-	(1.777.721.067)	-
Các loại thuế khác	6.707.696	366.252.757	(347.372.440)	(25.588.013)	-
	33.975.728.722	223.687.665.962	(153.514.620.732)	(67.184.654.467)	36.964.119.485

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí thường cho các đại lý	7.466.854.892	6.192.471.788
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.288.118.044	3.365.605.787
	<hr/>	<hr/>
	9.754.972.936	9.558.077.575

17. Phải trả khác

(a) Phải trả, phải nộp khác – ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ký quỹ, ký cược	15.768.677.418	13.675.552.945
Cổ tức phải trả	1.402.348.503	1.276.398.453
Kinh phí công đoàn	116.471.980	78.379.820
Bảo hiểm xã hội	-	18.175.142
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.943.368.691	3.153.729.150
	<hr/>	<hr/>
	20.230.866.592	18.202.235.510

(b) Phải trả, phải nộp khác – dài hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ký quỹ, ký cược	20.864.140.000	14.386.127.406
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	30.900.000.000	19.537.064.160	141.478.070.782	218.360.879.625	410.276.014.567
Lợi nhuận thuần trong năm Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	124.961.259.526 (27.810.000.000)	124.961.259.526 (27.810.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2025	30.900.000.000	19.537.064.160	141.478.070.782	315.512.139.151	507.427.274.093
Lợi nhuận thuần trong năm Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	133.413.778.364 (33.990.000.000)	133.413.778.364 (33.990.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	30.900.000.000	19.537.064.160	141.478.070.782	414.935.917.515	606.851.052.457

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	3.090.000	30.900.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.090.000	30.900.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.090.000	30.900.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 33.990 triệu VND, tương đương 11.000 VND trên một cổ phiếu (2024: 27.810 triệu VND, tương đương 9.000 VND trên một cổ phiếu).

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	2.150.059.044	2.150.059.044
Trong vòng hai đến năm năm	1.929.167.936	3.738.128.690
Sau năm năm	881.170.583	1.222.268.873
	4.960.397.563	7.110.456.607

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán bia	1.698.725.063.730	1.450.188.643.098
▪ Doanh thu dịch vụ vận chuyển bia	130.819.598.028	116.911.645.845
	<hr/> 1.829.544.661.758	<hr/> 1.567.100.288.943
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(538.941.538)	(12.235.728)
Doanh thu thuần	<hr/> 1.829.005.720.220	<hr/> 1.567.088.053.215

23. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Giá vốn bán bia	1.421.797.461.304	1.214.782.050.809
▪ Giá vốn dịch vụ vận chuyển bia	71.945.147.979	67.291.943.164
	<hr/> 1.493.742.609.283	<hr/> 1.282.073.993.973

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	19.315.864.586	9.704.477.599
Cổ tức	3.960.000.000	3.960.000.000
	<hr/> 23.275.864.586	<hr/> 13.664.477.599

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí bán hàng

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	70.698.523.290	54.998.853.411
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	13.402.278.159	5.766.013.990
Chi phí khấu hao	1.611.165.048	1.611.165.048
Thuế, phí và lệ phí	80.967.806	186.747.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.696.615.423	30.797.550.187
Chi phí bán hàng khác	56.372.122.309	19.896.847.837
	<hr/>	<hr/>
	150.861.672.035	113.257.178.402
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	24.366.137.075	16.558.622.972
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	1.509.660.919	343.400.826
Chi phí khấu hao	1.244.417.243	1.222.220.124
Thuế, phí và lệ phí	1.901.725.532	1.853.380.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.897.904.009	5.900.152.581
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.064.512.052	4.187.962.362
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	236.140.322
	<hr/>	<hr/>
	42.984.356.830	30.301.880.172
	<hr/>	<hr/>

27. Thu nhập khác

	2025	2024
	VND	VND
Thu nhập từ bồi thường tiền vỏ chai, két	527.874.425	875.505.454
Thanh lý tài sản cố định	-	198.499.325
Thanh lý công cụ, dụng cụ	153.395.864	305.281.325
Thu nhập khác	1.068.508.625	2.123.285.459
	<hr/>	<hr/>
	1.749.778.914	3.502.571.563
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Chi phí khác

	2025	2024
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	18.542.710	467.053.210
Thanh lý công cụ, dụng cụ	36.274.817	182.812.996
Chi phí khác	534.973.821	2.290.361.480
	<hr/>	<hr/>
	589.791.348	2.940.227.686
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí bán hàng hóa	1.421.797.461.304	1.214.782.050.809
Chi phí nguyên vật liệu	31.254.548.318	21.350.427.847
Chi phí nhân viên	139.711.231.828	113.948.131.179
Chi phí khấu hao	7.114.144.930	7.702.735.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.883.548.901	39.864.294.539
Chi phí bằng tiền khác	70.827.702.867	27.749.272.849
Chi phí dự phòng	-	236.140.322
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	32.390.995.397	30.686.740.759
Dự phòng thiếu trong những năm trước	833.200	2.623.483
	32.391.828.597	30.689.364.242

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	165.805.606.961	155.650.623.768
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	33.161.121.392	31.130.124.754
Chi phí không được khấu trừ thuế	21.874.005	348.616.005
Thu nhập không bị tính thuế	(792.000.000)	(792.000.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	833.200	2.623.483
	32.391.828.597	30.689.364.242

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các khoản tiềm ẩn

Theo các hợp đồng thuê đất ký ngày 26 tháng 12 năm 2022 và ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ninh, Công ty thuê hai lô đất có diện tích 15.757,4 m² tại 130 Lê Lợi, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh (nay là Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh) và 30.159,0 m² tại thôn Đồi, phường Đông Mai, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh (nay là Phường Đông Mai, Tỉnh Quảng Ninh). Các hợp đồng thuê đất này không có quy định về nghĩa vụ của các bên liên quan đến chi phí hoàn trả mặt bằng về trạng thái ban đầu sau khi kết thúc hoặc chấm dứt thời hạn thuê. Công ty đã xem xét các trường hợp có thể xảy ra và đánh giá rằng nghĩa vụ của Công ty liên quan đến chi phí hoàn trả mặt bằng phụ thuộc vào các sự kiện không chắc chắn trong tương lai, nghĩa vụ này chỉ có thể được xác định chắc chắn khi có các sự kiện như việc thương lượng bổ sung với bên cho thuê hoặc khi cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định pháp luật bổ sung làm rõ nghĩa vụ của bên thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản nào liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả mặt bằng về trạng thái ban đầu. Do đó, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Aseed Holdings Co., Ltd. – cổ đông		
Cổ tức được chia	10.340.000.000	8.460.000.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai – công ty con		
Mua hàng hóa	1.422.529.016.787	1.215.172.011.772
Cổ tức được chia	3.960.000.000	3.960.000.000
Lương, phụ cấp của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát		
Hội đồng Quản trị		
Ông Shunjiro Suga	1.603.800.000	1.275.046.154
Ông Daisuke Kotomo	-	-
Ông Vũ Tế Vj	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Quang Dũng	2.092.660.000	1.666.674.359
Tổng Giám đốc		
Ông Doãn Trường Giang	2.235.530.000	1.880.462.321
Ban Kiểm soát		
Bà Trần Thị Thu Hương	14.400.000	14.400.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Trục	12.000.000	12.000.000

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Ngọc Hoa
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đặng Phương Giang
Tổng Giám đốc

